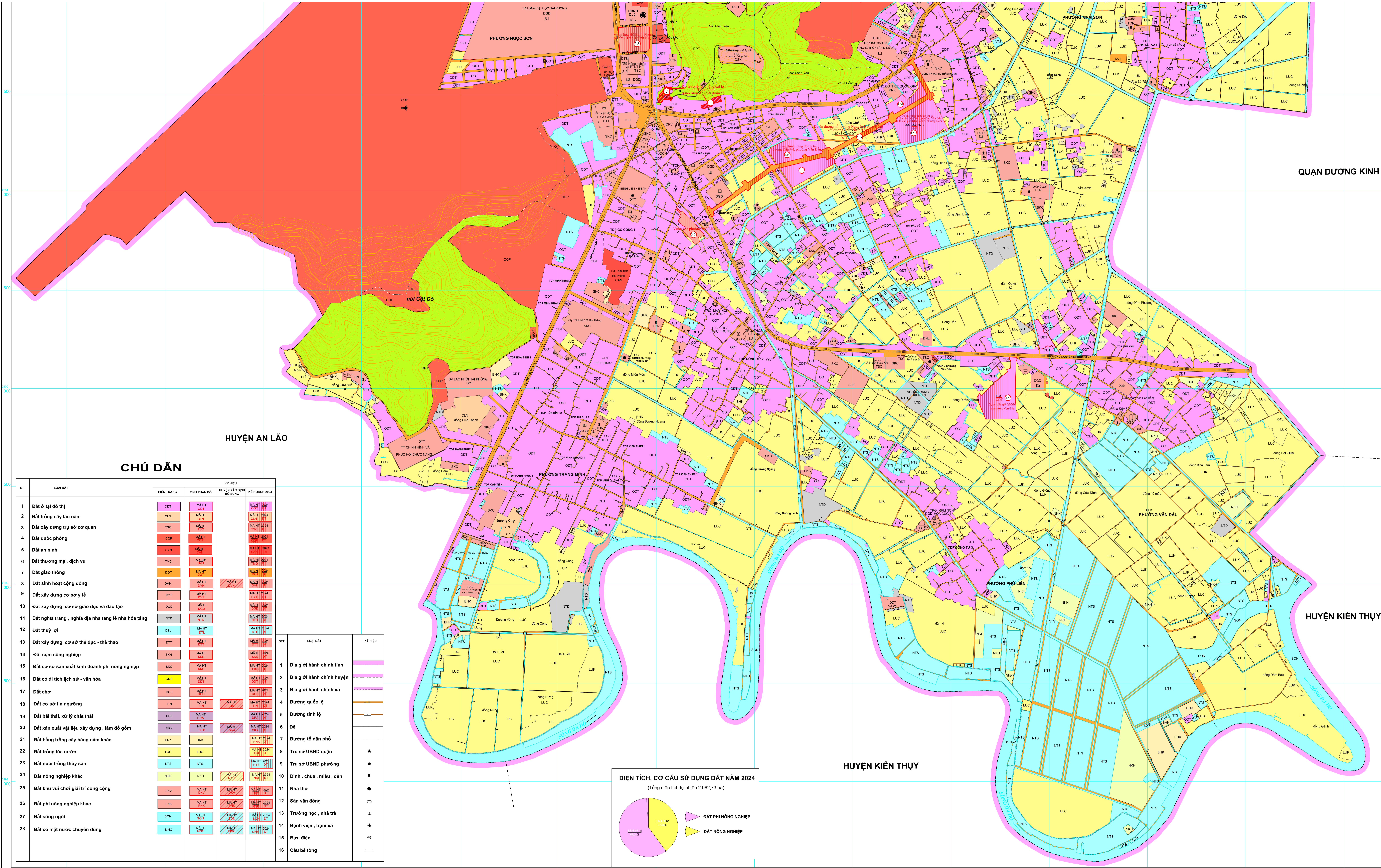




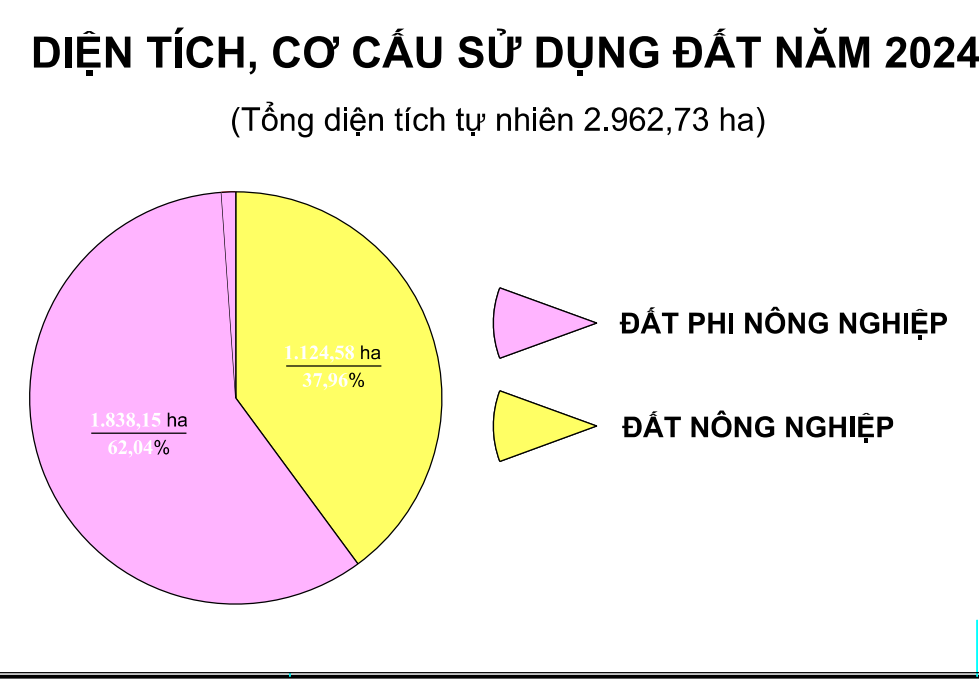
QUẬN DƯƠNG KINH

HUYỆN KIẾN THUY

CHÚ DẪN

| STT | LOẠI ĐẤT                                            | HỆN TRẠNG | TÌNH PHÂN BỐ | KÝ HIỆU   |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------|--------------|-----------|
| 1   | Đất ở tại đô thị                                    | OOT       | MÀ HT 001    | MÀ HT 001 |
| 2   | Đất trồng cây lâu năm                               | CLN       | MÀ HT 002    | MÀ HT 002 |
| 3   | Đất xây dựng trụ sở cơ quan                         | TSC       | MÀ HT 003    | MÀ HT 003 |
| 4   | Đất quốc phòng                                      | CQP       | MÀ HT 004    | MÀ HT 004 |
| 5   | Đất an ninh                                         | CAN       | MÀ HT 005    | MÀ HT 005 |
| 6   | Đất thương mại, dịch vụ                             | TMD       | MÀ HT 006    | MÀ HT 006 |
| 7   | Đất giao thông                                      | DOT       | MÀ HT 007    | MÀ HT 007 |
| 8   | Đất sinh hoạt cộng đồng                             | DVH       | MÀ HT 008    | MÀ HT 008 |
| 9   | Đất xây dựng cơ sở y tế                             | DYT       | MÀ HT 009    | MÀ HT 009 |
| 10  | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo              | DGD       | MÀ HT 010    | MÀ HT 010 |
| 11  | Đất nghĩa trang, nghĩa địa nhà tang lễ nhà hỏa táng | NTD       | MÀ HT 011    | MÀ HT 011 |
| 12  | Đất thủy lợi                                        | DTL       | MÀ HT 012    | MÀ HT 012 |
| 13  | Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao               | DTT       | MÀ HT 013    | MÀ HT 013 |
| 14  | Đất cụm công nghiệp                                 | CCN       | MÀ HT 014    | MÀ HT 014 |
| 15  | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp       | DOY       | MÀ HT 015    | MÀ HT 015 |
| 16  | Đất có di tích lịch sử - văn hóa                    | DCH       | MÀ HT 016    | MÀ HT 016 |
| 17  | Đất chợ                                             | TIN       | MÀ HT 017    | MÀ HT 017 |
| 18  | Đất cơ sở tín ngưỡng                                | ORA       | MÀ HT 018    | MÀ HT 018 |
| 19  | Đất bãi thải, xử lý chất thải                       | SKC       | MÀ HT 019    | MÀ HT 019 |
| 20  | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm          | HKK       | MÀ HT 020    | MÀ HT 020 |
| 21  | Đất bảo tồn cây hàng năm khác                       | LUC       | MÀ HT 021    | MÀ HT 021 |
| 22  | Đất trồng lúa nước                                  | NTS       | MÀ HT 022    | MÀ HT 022 |
| 23  | Đất nuôi trồng thủy sản                             | NKH       | MÀ HT 023    | MÀ HT 023 |
| 24  | Đất nông nghiệp khác                                | DRV       | MÀ HT 024    | MÀ HT 024 |
| 25  | Đất khu vui chơi giải trí công cộng                 | PHK       | MÀ HT 025    | MÀ HT 025 |
| 26  | Đất phi nông nghiệp khác                            | SON       | MÀ HT 026    | MÀ HT 026 |
| 27  | Đất sông ngòi                                       | MNC       | MÀ HT 027    | MÀ HT 027 |
| 28  | Đất có mặt nước chuyên dùng                         |           |              |           |

| STT | LOẠI ĐẤT                  | KÝ HIỆU |
|-----|---------------------------|---------|
| 1   | Địa giới hành chính huyện | —       |
| 2   | Địa giới hành chính xã    | —       |
| 3   | Đường quốc lộ             | —       |
| 4   | Đường tỉnh lộ             | —       |
| 5   | Đường xã lộ               | —       |
| 6   | Đường sắt                 | —       |
| 7   | Đường bộ dân phố          | —       |
| 8   | Trụ sở UBND quận          | ●       |
| 9   | Trụ sở UBND phường        | ●       |
| 10  | Đình, chùa, miếu, đền     | ⊕       |
| 11  | Nhà thờ                   | ⊕       |
| 12  | Sân vận động              | ⊕       |
| 13  | Trường học, nhà trẻ       | ⊕       |
| 14  | Bệnh viện, trạm xá        | ⊕       |
| 15  | Bưu điện                  | ⊕       |
| 16  | Cầu bê tông               | —       |



| ỦY BAN NHÂN TP. HAI PHONG                                                   | SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TP HAI PHONG                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| Ngày ... tháng ... năm 20....<br>CHỦ TỊCH<br>Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu | Ngày ... tháng ... năm 20....<br>GIÁM ĐỐC<br>Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu |
| UBND QUẬN KIẾN AN                                                           | ĐƠN VỊ TƯ VẤN                                                               |
| Ngày ... tháng ... năm 20....<br>CHỦ TỊCH<br>Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu | Ngày ... tháng ... năm 20....<br>GIÁM ĐỐC<br>Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu |

| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 TẠI QUẬN KIẾN AN |                                                                                                                                                  |                                                 |                         |                                                |                 |                        |                |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------|-----------------|------------------------|----------------|
| STT                                                                              | Hạng mục                                                                                                                                         | Chủ đầu tư                                      | Diện tích kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng đã giao, đã cho thuê (ha) | Đơn vị tính: ha |                        |                |
|                                                                                  |                                                                                                                                                  |                                                 |                         |                                                | Tổng (ha)       | Diện tích đã GPMB (ha) | Chưa GPMB (ha) |
| (1)                                                                              | (2)                                                                                                                                              | (3)                                             | (4)=(5)+(6)             | (5)                                            | (6)=(7)+(8)     | (7)                    | (8)            |
| I. DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP (12 DỰ ÁN)                                                  |                                                                                                                                                  |                                                 | 42,61                   | 8,77                                           | 33,84           | 9,65                   | 24,19          |
| 1.1                                                                              | Dự án phòng, chống sạt lở núi Thiên Văn, quận Kiến An                                                                                            | UBND quận Kiến An                               | 0,60                    |                                                | 0,60            | 0,60                   |                |
| 1.2                                                                              | Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An                                  | UBND quận Kiến An                               | 3,20                    |                                                | 3,20            | 3,20                   |                |
| 1.3                                                                              | Dự án khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa.                                                                                      | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật | 8,23                    | 8,19                                           | 0,04            |                        | 0,04           |
| 1.4                                                                              | Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Văn Đầu                                                                    | UBND quận Kiến An                               | 3,74                    |                                                | 3,74            | 3,54                   | 0,20           |
| 1.5                                                                              | Dự án đường nối đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông                                                                                 | Ủy ban nhân dân quận Kiến An                    | 3,58                    |                                                | 3,58            |                        | 3,58           |
| 1.6                                                                              | Dự án chỉnh trang đô thị tại khu vực phường Lâm Hà, quận Kiến An                                                                                 | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật | 1,99                    | 0,58                                           | 1,41            |                        | 1,41           |
| 1.7                                                                              | Dự án xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Phan Đăng Lưu qua đường Hoàng Quốc Việt ra sông Lạch Tray                                            | UBND quận Kiến An                               | 0,47                    |                                                | 0,47            |                        | 0,47           |
| 1.8                                                                              | Bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Trung tâm thương mại thuộc Dự án Khu đô thị và nhà ở Cự Viên, quận Kiến An | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật | 0,70                    |                                                | 0,70            | 0,70                   |                |
| 1.9                                                                              | Dự án xây dựng nhà ở xã hội tại số 29 ngõ 243 (ngõ Đại Tu), đường Hoàng Quốc Việt, phường Ngọc Sơn, quận Kiến An                                 | Công ty Cổ phần Xây dựng - thương mại Việt Tin  | 1,61                    |                                                | 1,61            | 1,61                   |                |
| 1.10                                                                             | Dự án chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Đầu Vũ 1, phường Văn Đầu và tổ dân phố Khá Lâm 5, phường Nam Sơn, quận Kiến An                           | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật | 5,72                    |                                                | 5,72            |                        | 5,72           |
| 1.11                                                                             | Dự án chỉnh trang đô thị tại đường Đầu Vũ, phường Văn Đầu, quận Kiến An                                                                          | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật | 5,12                    |                                                | 5,12            |                        | 5,12           |
| 1.12                                                                             | Dự án chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Mỹ Khê Tây, phường Đồng Hòa, quận Kiến An                                                                | Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật | 7,65                    |                                                | 7,65            |                        | 7,65           |
| II. DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI 2024                                                       |                                                                                                                                                  |                                                 | 3,45                    |                                                | 3,45            |                        | 3,45           |
| 2.1                                                                              | Vườn hoa phường Nam Sơn.                                                                                                                         | UBND quận Kiến An                               | 0,50                    |                                                | 0,50            |                        | 0,50           |
| 2.2                                                                              | Vườn hoa phường Phú Liễn.                                                                                                                        | UBND quận Kiến An                               | 0,95                    |                                                | 0,95            |                        | 0,95           |
| 2.3                                                                              | Vườn hoa Hồ Hạnh Phúc, phường Trân Thành Ngọ.                                                                                                    | UBND quận Kiến An                               | 2,00                    |                                                | 2,00            |                        | 2,00           |
| TỔNG CỘNG (15 DỰ ÁN)                                                             |                                                                                                                                                  |                                                 | 46,06                   | 8,77                                           | 37,29           | 9,65                   | 27,64          |